

Số: 619/BC-THYV

Yên Viên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Kèm thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Yên Viên

**2. Địa chỉ:** Thôn Lã Côi - xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0246 686 0869

Website: <http://thyenvien.gialam.edu.vn>

**3. Loại hình:** Trường Tiểu học công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Lâm

**4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.**

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo. Thầy và trò được yêu thương, tôn trọng.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Yên Viên nằm trên địa bàn xã Yên Viên huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Trường được tách ra từ trường cấp 1,2 Yên Viên và có Quyết định đổi tên thành Trường tiểu học Yên Viên từ ngày 26 tháng 11 năm 1996.

- Trường Tiểu học Yên Viên là trường công lập do UBND huyện Gia Lâm thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình giáo dục tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn huyện Gia Lâm.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Lê Thị Ánh Minh; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: thôn Lã Côi, xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0983344886 ; Email: thyenvien.gl@gmail.com

## 7. Tổ chức bộ máy

### a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Yên Viên được thành lập từ ngày 26/11/1996 theo Quyết định số 478/QĐ-TCUB ngày 26 tháng 11 năm 1996 của UBND huyện Gia Lâm.

### b. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 08/04/2024 của UBND huyện Gia Lâm về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường Tiểu học Yên Viên nhiệm kỳ 2023 - 2028.

#### Danh sách Hội đồng trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng
1	Lê Thị Ánh Minh	Hiệu trưởng	Trường TH Yên Viên	Chủ tịch
2	Đàm Thị Thảo	CT Công đoàn	Trường TH Yên Viên	Phó Chủ tịch
3	Bùi Thị Thúy Hương	TTCM khối 4	Trường TH Yên Viên	Thư ký
4	Nguyễn Hữu Hạnh	Phó chủ tịch	UBND xã Yên Viên	Thành viên
5	Trần Thị Tố Anh	Trưởng ban	Đại diện HCMHS	Thành viên
6	Đỗ Thị Vân	TBTTND, TTCM	Trường TH Yên Viên	Thành viên
7	Nguyễn Thành Luân	Bí thư ĐTN, TPT	Trường TH Yên Viên	Thành viên
8	Trần Thị Oanh	TTCM khối 1	Trường TH Yên Viên	Thành viên
9	Đỗ Vân Anh	Tổ trưởng tổ VP	Trường TH Yên Viên	Thành viên

### c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục; Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (QĐ đính kèm theo)

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 8822/QĐ - UBND ngày 17/12/2021
- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng số 5135/QĐ - UBND ngày 25/7/2022

### d. Quy chế tổ chức và hoạt động

#### \* Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Yên Viên

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường

trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

**\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

Trường Tiểu học Yên Viên thành lập theo Quyết định số 478/QĐ-TCUB ngày 26 tháng 11 năm 1996 của UBND huyện Gia Lâm. Địa điểm trường có vị trí địa lý khá thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn huyện Gia Lâm.

Trường Tiểu học Yên Viên là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Gia Lâm.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 32 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 09 lớp sao nhi đồng và 08 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 06 tổ chuyên môn.

**e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Ánh Minh	Hiệu trưởng	0983344886	<a href="mailto:leanhminh.1977@gmail.com">leanhminh.1977@gmail.com</a>
2	Nguyễn Minh Giang	P. Hiệu trưởng	0989839325	<a href="mailto:nguyen.minh.giang255@gmail.com">nguyen.minh.giang255@gmail.com</a>

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Lã Côi, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

### **8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ. Chiến lược phát triển nhà trường:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch KĐCL số 265/KH-THYV ngày 15/08/2024, quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD số 264/QĐ-THYV ngày 15/08/2024.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 496/QĐ-THYV ngày 21/10/2024 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, năm học 2024-2025.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng đội ngũ

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CD
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>29</b>		<b>2</b>	<b>25</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>17</b>		
	<b>I Giáo viên</b>	<b>24</b>		<b>0</b>	<b>24</b>				<b>1</b>	<b>25</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>17</b>		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	1			1				0	0	1	1			
3	Tin học	1			1					1			1		
4	Âm nhạc	1			1					1			1		
5	Mỹ thuật	1			1				0	1			1		
6	Thể dục	1			1				0	1			1		
	<b>II Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>		<b>2</b>							<b>2</b>	<b>2</b>			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1							1	1			
	<b>III Nhân viên</b>	<b>3</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>								
1	Nhân viên văn thư	1													
2	Nhân viên kế toán				1										
3	Thủ quỹ	1													
4	Nhân viên y tế					1									
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													

### Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: Tự đánh giá : Tốt = 7,7%

- Tổng số giáo viên: 24 (trong đó Tốt: 07/26 = 26,9%; Khá 17/26 = 65,4%;

Đạt: 0)

### 3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 26/26 GV (đạt 100%);

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>I</b>	<b>Số phòng học / số lớp</b>	<b>18</b>	<b>1,45</b>
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	<b>0</b>	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>6495</b>	<b>11,3</b>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	<b>4335</b>	<b>7,5</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	<b>2160</b>	<b>3,8</b>
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	18x52	
2	Diện tích phòng thư viện (m <sup>2</sup> )	156	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	384	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	2x150	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	52	
6	Diện tích phòng Tin học (m <sup>2</sup> )	75	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	52	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	26	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )	75	
10	Diện tích phòng Khoa học	52	
11	Diện tích phòng Đa năng	52	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>17</b>	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	3	1
1.2	Khối lớp 2	3	1
1.3	Khối lớp 3	3	1
1.4	Khối lớp 4	4	1
1.5	Khối lớp 5	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	40 máy tính sử dụng được	

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		
1	Ti vi	3	
2	Loa di động	5	
3	Máy đa vật thể	1	
4	Máy chiếu OverHead/Projector/vật thể	23	
5	Thiết bị khác (Bảng tính thông minh)	0	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	225
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	18 phòng = 936 (m <sup>2</sup> )	500	1,87 (m <sup>2</sup> )
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>			

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	12		60		Hồ tiêu: 9,6hs/hồ Hồ tiêu: 20,8hs/m
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *	0		0		0

(\*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 /09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối Internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (Website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

**\* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt**  
**- Sách giáo khoa lớp 5**

<b>TT</b>	<b>Môn/HĐGD</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Toán	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Duy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng. - Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thụy Anh (chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên Trần Thị Tố Oanh; Lưu Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên LS), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần LS), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần LS), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên Phần ĐL), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

6	Đạo đức	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên); Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống))	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Đại học Vinh)	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên), Trịnh Đình Thắng (Chủ biên), Ngô Thị Tú Quyên, Hà Ngọc Tuấn, Vũ Việt Vũ.	NXB Đại học Vinh
11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giang Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Võ Thị Ngọc Thuý, Nguyễn Thanh Trịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**- Sách giáo khoa lớp 4**

<b>TT</b>	<b>Môn/HĐGD</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán	Toán 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái ( Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học	Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học	Tin học 4 (Đại học Vinh)	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên), Trịnh Đình Thắng (Chủ biên), Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Vũ Việt Dũng.	Nhà xuất bản Đại học Vinh

7	Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giang Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Đồng Huy Giới, Bùi Thị Thu Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung ( Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thụy Anh (chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên Trần Thị Tố Oanh; Lưu Thu Thuý	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**- Sách giáo khoa lớp 3**

<b>TT</b>	<b>Môn/HĐGD</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng  Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5	Tin học	Tin học 3 (Đại học Vinh)	Lê Khắc Thành (Chủ biên), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên, Trịnh Đình Thắng, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Đại học Vinh
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3 (Chân trời sáng tạo )	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thuý (Tổng chủ biên), Nguyễn Thùy Anh (chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**- Sách giáo khoa lớp 2**

<b>TT</b>	<b>Môn/HĐGD</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thuý – Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thùy Anh - Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên); Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu, Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

## - Sách giáo khoa lớp 1

TT	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tỉnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Luu Thu Thuý – Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thuý Anh - Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên); Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu, Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

## **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

### **1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá**

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

### **2. Cụ thể**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch KĐCL số 265/KH-THYV ngày 15/08/2024 quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD số 264/QĐ-THYV ngày 15/08/2024.

- Hội đồng tự đánh giá thực hiện nhiệm vụ theo phân công của chủ tịch Hội đồng, hoàn thiện báo cáo và minh chứng theo nội dung đánh giá. Năm học 2023-2024 nhà trường vẫn duy trì tốt 27 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn đảm bảo duy trì trường đạt kiểm định cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ 2.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Kế hoạch tuyển sinh:** Nhà trường xây dựng Kế hoạch 138/KH-THYV ngày 06/5/2024 Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024 - 2025

1.1. Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018 thuộc tuyển tuyển sinh của nhà trường, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn xã Yên Viên.

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 4 lớp với số HS: 140 học sinh

1.3. Thời gian tuyển sinh

\* Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024.

\* Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

### **2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước**

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 03 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	105	3	48	2	
2	101	3	49	1	
3	131	4	65	2	1
4	149	4	72	2	
5	146	4	70	3	1
<b>Tổng</b>	632	18	304	10	2

### **3. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp**

- Kết quả đánh giá giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 1)

- Kết quả đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 2)

- Kết quả đánh giá năng lực chung lớp 5 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 3)

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 4)

- Kết quả đánh giá phẩm chất chủ yếu học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 5)

- Kết quả đánh giá phẩm chất học sinh đối với lớp 5 cuối năm học **2023-2024** (Có biểu chi tiết kèm theo Phụ lục 6)

\* Có 02 học sinh ôn lại trong hè. Toàn trường có 02 học sinh chưa HTCTLH.

### **4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6**

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 160

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 160

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

### **1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024**

1.1/ Quyết định Số: 01/QĐCK-THYV ngày 02 tháng 01 năm 2024 Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của Trường tiểu học YV.

+ Biên bản công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 ngày 02/01/2024.

+ Thông báo công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 ngày 02/01/2024.

+ Biên bản kết thúc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 ngày 02/4/2024

1.2/ Quyết định số 95/QĐCK-THYV, ngày 03/4/2024 về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên.

+ Biên bản công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/4/2024

+ Thông báo công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/4/2024

+ Biên bản kết thúc công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/5/2024

1.3/ Quyết định số 94/QĐCK-THYV, ngày 03/4/2024 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/4/2024

+ Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/4/2024

+ Biên bản kết thúc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/5/2024

+ Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Quý I/2024

1.4/ Quyết định số 181 /QĐCK-THYV, ngày 26/5/2024 về việc công bố công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2023 của trường tiểu học Yên Viên

+ Biên bản công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2023 của trường tiểu học Yên Viên ngày 26/5/2024

+ Thông báo công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2023 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/4/2024

+ Biên bản kết thúc công khai quyết toán thu, chi NSNN năm 2023 của trường tiểu học Yên Viên ngày 26/8/2024

+ Thuyết minh báo cáo quyết toán thu, chi năm 2023

1.5/ Quyết định số 234/QĐCK-THYV, ngày 01/7/2024 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/7/2024

+ Biên bản công khai và kết thúc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/8/2024

+ Biên bản công khai và kết thúc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân

sách quý II năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/8/2024

+ Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Quý II/2024

1.6/ Quyết định số 235/QĐCK-THYV, ngày 02/7/2024 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/7/2024

+ Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/7/2024

+ Biên bản kết thúc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 01/8/2024

1.7/ Quyết định số 299/QĐCK-THYV, ngày 30/8/2024 về việc công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Biên bản công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 30/8/2024

+ Thông báo công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 30/8/2024

+ Biên bản kết thúc công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 30/9/2024

1.8/ Quyết định số 300/QĐCK-THYV, ngày 30/8/2024 về việc công bố công khai chế độ miễn giảm cho học sinh của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025

Biên bản công khai chế độ miễn giảm các khoản đóng góp cho học sinh của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 ngày 30/8/2024

+ Thông báo công khai chế độ miễn giảm các khoản đóng góp cho học sinh của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 ngày 30/8/2024

+ Biên bản kết thúc công khai chế độ miễn giảm các khoản đóng góp cho học sinh của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 ngày 30/9/2024

1.9/ Quyết định số 458/QĐCK-THYV, ngày 03/10/2024 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý III năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý III năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/10/2024

+ Biên bản công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý III năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 3/10/2024

+ Biên bản kết thúc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý III năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 03/11/2024

+ Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Quý III/2024

1.10/ Thông báo công khai các khoản thu của cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 ngày 15/10/2024

+ Văn bản số 3222/UBND-GD-ĐT ngày 25/9/2024 về việc chấp thuận mức thu và các khoản thu của các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn huyện năm học 2024-2025

1.11/ Quyết định số 12/QĐCK-THYV, ngày 12/11/2024 về việc công bố công khai điều chỉnh, giao bổ sung KP chi TX năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên

+ Biên bản công khai điều chỉnh, giao bổ sung KP chi TX năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 12/11/2024

+ Biên bản kết thúc công khai điều chỉnh, giao bổ sung KP chi TX năm 2024 của trường tiểu học Yên Viên ngày 12/12/2024

1.12/ Quyết định số 548/QĐCK-THYV, ngày 18/11/2024 Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 của Trường TH Yên Viên

+ Biên bản công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 của Trường TH Yên Viên ngày 18/11/2024

+ Thông báo công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 của Trường TH Yên Viên ngày 18/11/2024

**2/ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội**

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
<b>Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ năm học 2023-2024</b>	3	4.050.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	3	1.800.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	3	2.250.000	
<b>Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH</b>			
Hỗ trợ học phí			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025			
<b>Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập</b>			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025			

**3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
<b>Năm học 2024-2025</b>				
1	Dịch vụ tiền ăn	đồng	28.000đ/bữa	
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	đồng	200.000/tháng	
3	Dịch vụ TTB phục vụ bán trú	đồng	100.000/năm học	
4	Dịch vụ Nước uống	đồng	15.000đ/tháng	
5	Dịch vụ GD Kỹ năng sống	đồng	15.000đ/tiết	
6	Dịch vụ GD ngoài giờ chính khóa	đồng	15.000đ/tiết	
7	Dịch vụ trông giữ sau giờ học	đồng	12.000/60phút	
<b>Năm học 2025-2026</b>				
1	Dịch vụ tiền ăn	đồng	28.000đ/bữa	
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	đồng	200.000/tháng	
3	Dịch vụ TTB phục vụ bán trú	đồng	100.000/năm học	
4	Dịch vụ Nước uống	đồng	15.000đ/tháng	
5	Dịch vụ GD Kỹ năng sống	đồng	15.000đ/tiết	
6	Dịch vụ GD ngoài giờ chính khóa	đồng	15.000đ/tiết	
7	Dịch vụ trông giữ sau giờ học	đồng	12.000/60phút	
<b>Năm học 2026-2027</b>				
1	Dịch vụ tiền ăn	đồng	28.000đ/bữa	
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	đồng	200.000/tháng	
3	Dịch vụ TTB phục vụ bán trú	đồng	100.000/năm học	
4	Dịch vụ Nước uống	đồng	15.000đ/tháng	
5	Dịch vụ GD Kỹ năng sống	đồng	15.000đ/tiết	
6	Dịch vụ GD ngoài giờ chính khóa	đồng	15.000đ/ tiết	
7	Dịch vụ trông giữ sau giờ học	đồng	12.000/60phút	

**4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024**

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền mặt tồn quỹ	đồng	0	
2	Tiền gửi KB TK 3714	đồng	10.017.031	
3	Tiền gửi KB TK 3713	đồng	13.030.217	

**5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023**

TT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
	Nộp Thuế TNCN năm 2023	đồng	5.551.430	

## 6. Công khai quyết toán thu năm 2024

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>4.879.000.000</b>	<b>5.321.697.000</b>		
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>4.879.000.000</b>	<b>5.321.697.000</b>		
<b>3.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>4.879.000.000</b>	<b>5.321.697.000</b>		
	Chi thanh toán cá nhân	3.910.819.000	4.004.121.431		
	Phúc lợi TT, chè nước	15.000.000	9.840.200		

	CBCC				
	Thanh toán dịch vụ công cộng	177.000.000	146.091.969		
	Vật tư văn phòng	125.000.000	140.279.000		
	Thông tin liên lạc	33.400.000	74.072.200		
	Hội nghị	28.000.000			
	Thanh toán công tác phí	25.600.000	15.600.000		
	Chi phí thuê mướn	336.000.000	465.618.581		
	Sửa chữa TX TSCĐ	76.000.000	109.961.083		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	133.000.000	287.497.536		
	Chi mua sắm TSCĐ	0	24.000.000		
	Chi khác	19.181.000	44.615.000		
<b>3.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>				
*	Nguồn không thường xuyên	365.177.000	365.177.000		
	Chi phí thuê mướn	53.000.000	53.000.000		
	Tiền thưởng	127.947.000	127.947.000		
	Chi hỗ trợ chi phí học tập	4.320.000	4.320.000		
	Tiền chi chuyên môn	163.980.000	163.980.000		
<b>II</b>	<b>Thu, chi tại đơn vị phí, lệ phí</b>				
*	<b>Số thu</b>	<b>2.245.810.000</b>	<b>2.124.641.116</b>		
-	Học phí				
-	Các khoản khác học 2b/ ngày, CSBT, CSVCBT	2.245.810.000	2.133.353.410		
*	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>2.245.810.000</b>	<b>2.124.641.116</b>		
	Chi sự nghiệp giáo dục TH	2.245.810.000	2.124.641.116		

## **VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

Dạy kỹ năng phòng tránh đuối nước, PCCC và kỹ năng thoát hiểm khi có hoả hoạn

Dạy thí điểm chương trình Giáo dục kỹ năng công dân số: 100% các lớp, các giáo viên chủ nhiệm, giáo viên Tin học xây dựng được bài giảng tích hợp giáo

dục kỹ năng công dân số trong các môn học và HĐ giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 theo Thông tư số 09/2024/TT -BGDDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Tiểu học Yên Viên./.

**Nơi nhận:**

- PGD&ĐT (để b/c);
- Website của trường;
- Lưu: VP.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Ánh Minh**